

BẢNG ĐIỂM TỔNG HỢP LỚP TKD24B1
HỌC KỲ II NĂM HỌC 2024-2025

STT	MSHS	Họ và tên		Ngày sinh	Tin học(2)	Pháp luật(1)	Giáo dục Chính trị(2)	Kỹ năng mềm(2)	Tin học kế toán(4)	Lý thuyết kế toán(3)	Kinh tế học vi mô(2)	Điểm TB	Xếp loại
01	2453403020036	Nguyễn Quốc	An	14/05/2003	8.9	8.0	8.2	9.6	9.2	5.9	7.0	8.1	Giỏi
02	2453403020037	Trần Thái	An	13/05/2009	0.0	2.1	2.0	0.0	0.0	1.8	0.0	0.7	Yếu
03	2453403020038	Đào Thị Mỹ	Anh	06/07/2009	7.9	7.5	8.4	8.1	5.6	5.8	6.6	6.8	Trung bình
04	2453403020039	Lê Ngọc Trâm	Anh	15/10/2009	0.0	2.8	0.0	0.0	0.0	0.5	0.0	0.3	Yếu
05	2453403020040	Trần Thị Kim	Anh	07/12/2009	7.0	6.4	5.8	6.9	5.2	5.6	6.1	6.0	Trung bình
06	2453403020041	Trương Quỳnh	Anh	12/05/2009	8.3	6.7	8.0	5.0	8.2	5.5	6.1	6.9	Trung bình
07	2453403020043	Trần Ngọc Minh	Châu	27/03/2009	8.2	8.7	8.9	7.7	7.9	5.6	7.4	7.6	Khá
08	2453403020044	Huỳnh Trang Khánh	Chi	15/05/2009	8.1	7.0	8.4	7.2	6.8	6.6	5.5	7.0	Khá
09	2453403020047	Nguyễn Huỳnh Kiến	Huy	28/11/2009	8.3	6.8	8.1	6.2	7.6	5.5	6.0	6.9	Trung bình
10	2453403020048	Nguyễn Thị Quế	Hương	08/03/2009	0.0	2.3	2.0	1.9	0.0	2.3	2.6	1.4	Yếu
11	2453403020049	Do Roh Mane Rid	Hwan	06/02/2009	8.1	5.8	7.0	5.5	5.9	5.5	5.6	6.1	Trung bình
12	2453403020051	Đỗ Đăng	Khoa	23/11/2009	7.2	6.9	5.9	5.9	5.7	5.2	5.5	5.9	Trung bình
13	2453403020052	Ngô Tuấn	Kiệt	18/09/2009	7.5	7.2	6.1	5.5	6.0	5.5	5.7	6.1	Trung bình
14	2453403020053	Dương Thiên	Kim	16/11/2009	6.4	7.0	7.2	8.5	5.7	5.9	6.3	6.5	Trung bình
15	2453403020054	Nguyễn Thị Ngọc	Mỹ	16/11/2009	6.3	8.0	8.8	8.4	6.8	5.9	6.2	7.0	Khá
16	2453403020056	Lưu Hồng	Ngọc	27/06/2009	7.7	8.7	9.1	7.8	6.9	5.4	5.9	7.1	Khá
17	2453403020057	Tô Kim	Ngọc	24/09/2009	8.4	8.8	7.8	7.5	9.3	6.1	7.2	7.9	Khá
18	2453403020058	Lê Thị Thảo	Nguyên	16/02/2009	7.5	6.5	6.8	6.0	7.1	5.6	5.8	6.5	Trung bình
19	2453403020059	Nguyễn Thị Thảo	Nguyên	01/08/2009	7.5	8.0	8.0	7.5	7.6	8.7	6.4	7.7	Khá
20	2453403020060	Trần Thị Ý	Nhi	01/12/2009	8.0	8.7	8.5	7.0	7.9	5.4	7.7	7.4	Khá
21	2453403020061	Nguyễn Thị Quỳnh	Như	04/11/2009	6.7	7.3	7.6	7.1	8.3	6.2	5.6	7.1	Khá
22	2453403020062	Nguyễn Thị Quỳnh	Như	13/08/2009	9.0	8.5	8.7	6.3	6.7	5.5	5.9	7.0	Khá
23	2453403020063	Nguyễn Tỷ	Phú	15/04/2009	7.7	5.4	5.4	2.5	5.8	5.3	5.6	5.4	Trung bình

STT	MSHS	Họ và tên		Ngày sinh	Tin học(2)	Pháp luật(1)	Giáo dục Chính trị(2)	Kỹ năng mềm(2)	Tin học kế toán(4)	Lý thuyết kế toán(3)	Kinh tế học vi mô(2)	Điểm TB	Xếp loại
24	2453403020064	Nguyễn Hoàng	Phúc	31/08/2009	8.7	7.0	5.7	5.7	9.3	5.6	6.5	7.1	Khá
25	2453403020065	Nguyễn Ngọc Phát	Tài	08/08/2008	8.0	7.9	8.3	8.1	7.9	7.6	6.0	7.7	Khá
26	2453403020066	Nguyễn Thị Kim	Tho	26/02/2009	7.2	8.4	8.8	6.2	6.3	6.3	5.5	6.7	Trung bình
27	2453403020067	Trần Nguyễn Phước	Toàn	06/01/2009	6.2	5.5	6.0	7.5	7.2	6.6	6.1	6.6	Trung bình
28	2453403020068	Hứa Thị Cẩm	Tú	06/03/2009	5.5	7.2	6.8	6.6	6.0	5.5	6.5	6.2	Trung bình
29	2453403020069	Lê Ngọc Thảo	Vân	02/09/2009	7.2	5.7	4.6	1.6	5.5	5.5	3.7	4.9	Yếu
30	2453403020070	Phạm Hồ Khánh	Vân	14/09/2009	5.9	4.5	4.3	5.3	2.8	2.1	2.9	3.7	Yếu
31	2453403020071	Nguyễn Thị Thùy	Vương	16/01/2009	5.7	8.1	9.1	6.7	7.8	6.9	7.7	7.4	Khá
32	2453403020073	Nguyễn Thị Ngọc	Yến	29/10/2009	5.3	0.0	7.1	3.0	6.6	5.0	4.0	5.0	Trung bình

TL. HIỆU TRƯỞNG
TP. Đào tạo

Châu Đốc, ngày 31 tháng 07 năm 2025
Người lập bảng

Ths. Trần Thanh Dũng

Trần Quốc Thái